TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 07 - 5 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Danh Siphal

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2018/TLST-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-DS, ngày 11/4/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-DS ngày 27/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979.

Ông Lê Văn K, sinh năm 1974 (chồng bà N).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang (bà N, ông K vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị D trình bày:

Ngày 20/8/2015 (âm lịch) vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K

(sau đây gọi tắt là bà N, ông K) có tham gia 01 phần hụi, gồm có 26 hụi viên, trị giá 2.000.000 đồng, do bà Huỳnh Thị D (sau đây gọi tắt là bà D) làm chủ hụi. Sau khi đóng hụi sống được 04 lần, đến ngày 20/12/2015 (âm lịch) bà N bỏ thăm trúng hụi và hốt được tổng số tiền là 33.200.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, bà D giao cho vợ chồng ông K, bà N là 32.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi vợ chồng ông K, bà N đóng hụi chết được 09 lần (đóng đến ngày 20/9/2016 âm lịch) thì không đóng nữa. Tính đến mãn hụi vợ chồng ông K, bà N còn nợ lại bà D tổng cộng là 12 lần hụi chết với số tiền 24.000.000 đồng.

Bà D yêu cầu vợ chồng ông K, bà N trả tiền hụi chết còn thiếu là 24.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản hòa giải ngày 27 tháng 4 năm 2018 bà N trình bày:

Ngày 20/08/2015 âm lịch bà N có tham gia chơi hụi với bà D. Sau khi đóng hụi sống được 04 lần đến lần thứ 5 (ngày 20/12/2015 âm lịch) bà N hốt hụi được 33.200.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng cho chủ hụi, bà D giao cho bà N là 32.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà N đóng hụi chết cho bà D đến tháng 10/2016 âm lịch (tổng cộng đóng được là 14 lần hụi sống và hụi chết) do bà D bể hụi nên bà N không đóng nữa. Do bà D bể hụi nên bà N chỉ đồng ý trả lại số tiền đã hốt là 32.200.000 đồng. Bà N cho rằng đã đóng hụi sống và hụi chết cho bà D được tổng cộng là 28.000.000 đồng, nên chỉ đồng ý trả thêm 4.200.000 đồng.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Tờ tường trình ngày 07/5/2018; 01 giấy thỏa thuận chơi hụi ngày 20/8/2015 âm lịch.

Tài liệu do bị đơn cung cấp: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về quan hệ pháp luật*: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị

D với bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi. Cụ thể bà D yêu cầu vợ chồng bà N và ông K trả tiền hụi còn thiếu là 24.000.000 đồng.

[3]. *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền hụi còn thiếu là 24.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại biên bản hòa giải ngày 27/4/2018 bị đơn bà N thừa nhận có tham gia chơi và hốt hụi của bà D được 33.200.000 đồng, trừ tiền hoa hồng còn 32.200.000 đồng. Bà N cho rằng đã đóng hụi sống và hụi chết tổng cộng được 14 lần với số tiền 28.000.000 đồng, do bà D đình hụi nên chỉ đồng ý trả thêm cho bà D là 4.200.000 đồng (bằng với số tiền hốt hụi), không đồng ý đóng đến khi mãn hụi.

Xét lời trình bày của vợ chồng bà N, thấy: Bà N sau khi lĩnh hụi nhưng không góp hụi chết lại cho bà D theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ góp hụi của hụi viên theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, bêu, phường quy định.

Mặt khác, tại khoản 1 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ cũng quy định: "*Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ và bồi thường thiệt hại nếu có*".

Do đó, việc vợ chồng bà N và ông K cho rằng do bà D đình hụi nên không góp nữa là trái pháp luật, vì nếu các hụi viên khác xét thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện bà D thành vụ kiện khác, không ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng bà N và ông K. Vợ chồng bà N và ông K đã lĩnh hụi thì phải có nghĩa vụ góp hụi chết lại cho bà D đến khi mãn hụi theo thỏa thuận.

Bà N cho rằng đã đóng hụi chết cho bà D được 14 lần với số tiền là 28.000.000 đồng nhưng lại không cung cấp được cho Tòa án bất cứ giấy tờ nào chứng minh cho việc đóng hụi được 14 lần.

Theo giấy chơi hụi do bà D cung cấp, hụi áp ngày 20/08/2015 âm lịch, bà N đóng hụi sống được 04 lần, đến ngày 20/12/2015 âm lịch thì hốt hụi, sau khi hốt hụi bà D đóng hụi chết được 09 lần (đến ngày 20/9/2016 âm lịch) thì không đóng nữa. Như vậy tổng cộng hụi sống và hụi chết bà N đóng cho bà D là 13 lần. Trong dây hụi này có 26 hụi viên tham gia, nhưng trừ 01 phần hụi

của bà N thì theo thỏa thuận bà N phải đóng hụi tổng cộng 25 lần. Nhưng bà N chỉ đóng cho bà D được 13 lần, còn lại 12 lần hụi chết.

Theo biên bản hòa giải ngày 09 tháng 3 năm 2017 (trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 06/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2017 đã đình chỉ do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện) bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K cũng thừa nhận có tham gia chơi hụi và còn nợ lại bà D 12 lần hụi chết.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền hụi chết còn thiếu 12 lần với số tiền 24.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

Xét về lãi suất: Nguyên đơn bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm trả nợ: Việc bà N chơi hụi với bà D ông K cũng biết và thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 09/3/2017 của Tòa án, nên vợ chồng bà N, ông K phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà D số tiền 24.000.000 đồng.

[4]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà N và ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng x 5% = 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo lai thu số 0006699 ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định họ, hụi, biêu, phường; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K về việc tranh hợp đồng dân sự về góp hụi.

2. Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị D số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của

người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo lai thu số 0006699 ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh KG;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh